

Số: 492/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 03 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 434/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ông Đoàn Trần Xuân T1, sinh năm 1986;

Thường trú: 54/6E KP4, phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: 260/52 đường A, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Thảo T2, sinh năm 1987;

Thường trú: 16 đường L, thành phố Q, tỉnh B;

Tạm trú: 2/90/16 đường P, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Trần Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Thảo T2 là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Trần Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Thảo T2 cùng trình bày: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 1996 ngày 19/04/2019. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Anh D, sinh ngày 20/4/2019. Ly hôn, bà T2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Đoàn Trần Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Thảo T2 cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Trần Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Thảo T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Anh D, sinh ngày 20/4/2019. Ly hôn, bà T2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thảo T2 đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Trần Xuân T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Đoàn Trần Xuân T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Đoàn Trần Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Thảo T2 chịu được căn cứ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0031448 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND phường K, Quận B;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hải Sâm**